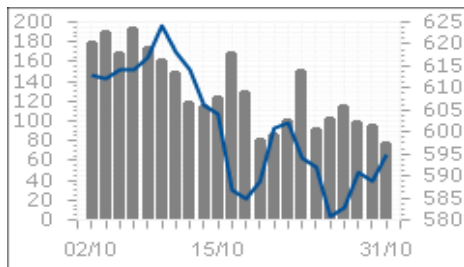


HOSE

31/10/2014

VNINDEX	600.84	11.70	1.99%
KLGD	132,329,205	CP	
GTGD	2,316.83	Tỷ	
GTR NDTNN	109.97	Tỷ	
CP Tăng giá	176	CP	
CP Giảm giá	52	CP	
CP Đứng giá	76	CP	



Tâm điểm

▶ **Bật tăng mạnh ở phiên chiều, chỉ số 2 sàn đóng cửa ở mức cao nhất**

▶ **Khối lượng giao dịch gia tăng đạt hơn 3000 tỷ VNĐ** Nước ngoài mua ròng trên cả 2 sàn

▶ **BIDV giảm đồng loạt lãi suất cho vay**

Theo Đầu tư Chứng khoán

▶ **Dự toán năm 2015 phải vay đảo nợ 130.000 tỉ đồng**

Dư nợ công Việt Nam sẽ đạt đỉnh vào năm 2016 và giảm dần vào các năm sau đó
Vnexpress

▶ **NHTW Nhật Bản bắt ngờ tăng cung tiền**

Lượng cung tiền tăng thêm khoảng 80 ngàn tỷ yên/năm
Bloomberg

▶ **Techcombank muốn thành cổ đông lớn của Vietnam Airlines**

Vietnam Airlines từng là cổ đông sáng lập của Techcombank
Gafin

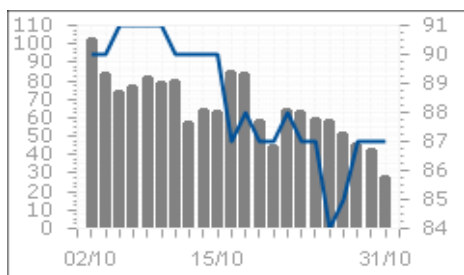
▶ **REE lãi quý III/2014 tăng 22%, lũy kế 9 tháng vẫn giảm 19%**

Gafin

HNX

31/10/2014

HNXINDEX	88.03	1.24	1.43%
KLGD	49,494,705	CP	
GTGD	776.40	Tỷ	
GTR NDTNN	4.89	Tỷ	
CP Tăng giá	161	CP	
CP Giảm giá	42	CP	
CP Đứng giá	176	CP	



Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,056,579	14.4	2.9	19.6%	10.6%
HNX	142,483	14.3	1.9	8.9%	4.2%
Toàn bộ thị trường	1,199,062	15.3	3.4	20.5%	10.3%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,187	6.7	0.9	13.3%	8.8%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,060	9.2	1.5	16.2%	10.9%
Thép và sản phẩm thép	37,704	15.9	2.1	20.5%	9.4%
Khai khoáng	12,215	90.9	6.3	-4.2%	-3.5%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	24,524	14.1	1.5	13.3%	7.6%
Xây dựng	31,744	74.9	1.2	-2.4%	1.8%
Máy công nghiệp	8,732	9.2	1.4	15.0%	10.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,082	8.8	1.5	18.9%	13.8%
Lốp xe	8,760	11.3	3.0	25.5%	11.0%
Nuôi trồng nông & hải sản	20,841	11.8	1.8	17.5%	6.3%
Thực phẩm	192,726	23.5	4.1	20.6%	16.1%
Dược phẩm	15,412	11.1	2.8	22.7%	15.0%
Phần mềm	17,475	10.5	2.2	21.7%	9.0%
Sản xuất & phân phối điện	27,550	11.4	1.4	12.8%	6.9%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	203,832	16.6	5.4	33.0%	22.6%
Bảo hiểm nhân thọ	25,654	21.0	2.2	10.2%	2.1%
Môi giới chứng khoán	28,197	12.8	1.7	10.6%	7.7%
Ngân hàng	233,837	10.8	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản	195,982	18.0	5.1	24.7%	5.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	48,514	10.9	2.2	22.5%	9.4%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	638.78	11.57	1.84%
HNX30	175.42	2.79	1.62%

VietinBankSc

306 Ba Trieu
Hai Ba Trung
Hanoi
Vietnam
Tel: (844) 3974 7952
Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Thông kê thị trường

▶ HOSE: Thông kê và nhận định thị trường

▶ HNX: Thông kê và nhận định thị trường

▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

BIDV giảm đồng loạt lãi suất cho vay

Dự toán năm 2015 phải vay đảo nợ 130.000 tỉ đồng

NHTW Nhật Bản bất ngờ tăng cung tiền

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Techcombank muốn thành cổ đông lớn của Vietnam Airlines

REE lãi quý III/2014 tăng 22%, lũy kế 9 tháng vẫn giảm 19%

MWG phấn đấu đạt mục tiêu 40% thị phần bán lẻ di động

Tin kinh tế

Theo thông báo của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), kể từ 1/11/2014, BIDV chính thức giảm lãi suất cho vay ngắn hạn VND ở tất cả các kỳ hạn với mức giảm từ 0,5% đến 0,8%/năm so với thời điểm hiện tại. Đối với cho vay ngắn hạn cho 6 đối tượng ưu tiên theo qui định của Chính phủ, mức lãi suất cho vay giảm xuống còn 7%/năm, theo mức trần được Ngân hàng Nhà nước quy định từ 29/10/2014. Cùng với việc giảm sâu lãi suất cho vay, BIDV cũng cho biết sẽ triển khai mạnh mẽ các gói tín dụng phục vụ cho các chương trình xuất nhập khẩu, thủy sản, nhà ở xã hội...

Giải trình trước Quốc hội chiều 30-10, Bộ trưởng Bộ Tài chính Đinh Tiến Dũng khẳng định nợ công của VN sẽ đạt đỉnh năm 2016 và giảm dần các năm sau đó. Tuy nhiên, kịch bản được ông Dũng đưa ra là tăng trưởng kinh tế phải ở mức 6,7-6,9%/năm, trong khi lạm phát phải duy trì ở mức thấp. Ước tính năm 2014 nợ công bằng 60,3%, năm 2015 là 64% và sẽ đạt đỉnh vào năm 2016 (64,9%) rồi giảm dần cho đến năm 2020 (60,2%). Mặc dù hiện tại nợ công đang nằm trong giới hạn quốc hội cho phép, nhưng dư nợ công đang tăng nhanh, đến cuối năm 2015 đã sát giới hạn cho phép. Thực tế trong những năm qua đã phải phát hành vay đảo nợ để trả nợ đến hạn (dự toán năm 2015 phải vay đảo nợ 130.000 tỉ đồng).

Ngân hàng trung ương Nhật Bản (BOJ) hôm nay 31/10 tuyên bố sẽ tăng cung tiền thêm khoảng 80 nghìn tỷ yên/năm từ 50 nghìn tỷ yên hiện tại thông qua chương trình mua trái phiếu nhằm kích thích kinh tế. Động thái trên diễn ra trong bối cảnh kinh tế Nhật Bản tăng trưởng chậm lại đặc biệt từ sau khi chương trình thuế tiêu thụ bắt đầu có hiệu lực từ tháng 4 năm nay. Cam kết bơm thêm tiền vào nền kinh tế của BOJ đưa ra chỉ một ngày sau khi Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) tuyên bố ngừng hoàn toàn chương trình nới lỏng định lượng lần 3 (QE3). Những tín hiệu tích cực của nền kinh tế là điều kiện để Fed rút khỏi chương trình bơm tiền kỷ lục kể từ khủng hoảng tài chính 2008.

Tin doanh nghiệp

Tại hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cổ phiếu Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines) sáng nay, 31/10/2014, ông Nguyễn Cảnh Vinh, đại diện Techcombank cho biết Techcombank đang tiến hành các thủ tục trở thành cổ đông lớn của Vietnam Airlines. Vietnam Airlines là một trong những cổ đông sáng lập của Techcombank và cũng từng là cổ đông lớn nhất của ngân hàng này với tỷ lệ nắm giữ ban đầu là 20%. Tuy nhiên, đến tháng 12/2013, Vietnam Airlines đã thoái hết vốn tại Techcombank theo chủ trương thoái vốn đầu tư ngoài ngành.

Công ty cổ phần Cơ Điện Lạnh (HOSE: mã REE) công bố kết quả kinh doanh hợp nhất quý III/2014 với doanh thu thuần 654 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông công ty mẹ quý III/2014 đạt 243 tỷ đồng, lũy kế 9 tháng đạt 681 tỷ đồng. EPS 9 tháng là 2.574 đồng. Lợi nhuận sau thuế quý III/2014 đạt gần 255 tỷ đồng, tăng 28%. Phần lợi nhuận thuộc cổ đông công ty mẹ là 243 tỷ đồng, tăng 22%. Nguyên nhân lợi nhuận quý này tăng do Công ty ghi nhận tương ứng kết quả kinh doanh phát sinh trong quý của các công ty con và công ty liên kết tăng từ 74 tỷ đồng lên 129 tỷ đồng, trong đó chủ yếu từ Nhiệt điện Phả Lại và Thủy điện Srok Phu Mieng. Trước đó Nhiệt điện Phả Lại báo lãi lớn quý III/2014 nhờ hạch toán chênh lệch khoản nợ bằng đồng Yên.

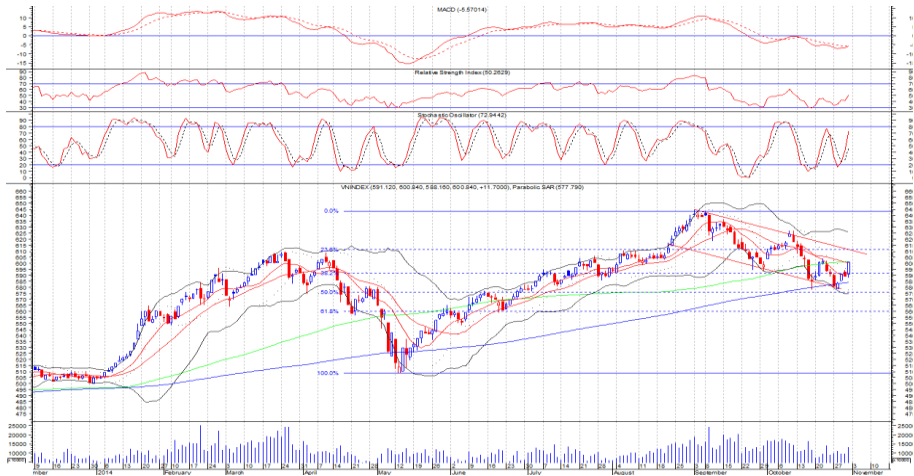
Chiều nay (31/10/2014), Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động .MWG tổ chức buổi công bố các thông tin kinh doanh cũng như kế hoạch kinh doanh năm 2015 và những năm tới. Ông Nguyễn Đức Tài, Chủ tịch HĐQT MWG cho biết, 9 tháng đầu năm, hệ thống thegioididong đã mở thêm 90 cửa hàng, nâng tổng số cửa hàng của hệ thống lên hơn 300 cửa hàng. Doanh thu mỗi cửa hàng thegioididong.com là hơn 4 tỷ đồng/tháng. Doanh thu từ điện thoại di động chiếm 60% tổng doanh thu, 40% còn lại đến từ doanh thu laptop, tablet, phụ kiện.

HOSE 31/10/2014 VNINDEX 600.84 11.70 1.99% 132,329,205 CP 2,316.83 bil VND

Bật tăng mạnh ở phiên chiều, chỉ số 2 sàn đóng cửa ở mức cao nhất phiên

VN-Index tăng 11.70 điểm (+1.99%), đóng cửa tại mức 600,84 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến dài, VN-Index tăng điểm rất tích cực và quay trở lại vùng 600 điểm.

- MACD cho tín hiệu mua trở lại, đây là dấu hiệu rất khả quan.
- Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng mạnh.
- RSI (14) tăng tích cực lên mốc 50.
- VN-Index hồi phục trở về vùng MA20 giao cắt MA100, dù vậy thì MA20 đang có xu hướng cắt xuống đường MA100..



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0 (0.0%)	12,341,450
GTN	0.8 (4.0%)	8,143,710
KBC	0.8 (5.0%)	7,956,060
OGC	0.2 (2.1%)	7,267,800
SSI	0.6 (2.0%)	7,064,650

HOSE Top 5 theo % tăng

CYC	0.3 (7.0%)	3,880
RIC	0.9 (7.0%)	1,540
HTL	1.7 (6.9%)	5,650
TMS	3.1 (6.9%)	150
HAX	0.6 (6.9%)	50

HOSE Top 5 theo % giảm

KAC	-0.7 (-7.0%)	20
VNG	-0.6 (-6.7%)	120
CCI	-0.9 (-6.4%)	420
GTA	-0.9 (-6.2%)	2,180
SBC	-0.8 (-5.4%)	7,780

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

MSN	23,5 tỷ	289,810
PVD	18,1 tỷ	193,660
VCB	13,2 tỷ	480,360
GAS	11,3 tỷ	107,890
HPG	11,0 tỷ	201,680

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-31,3 tỷ	1,288,320
DPM	-13,6 tỷ	452,800
OGC	-12,4 tỷ	1,273,250
LSS	-2,4 tỷ	252,000
EIB	-1,0 tỷ	81,160

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	2,883,090	109.97

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường sau phiên sáng giao dịch khá cầm chừng, thì bất ngờ ở đầu phiên chiều đã tăng lan rộng, VN-Index tăng 2% và đóng cửa ở mức cao nhất phiên.
- ▶ KLGD gia tăng mạnh và đạt 132 triệu. Thanh khoản có sự bứt phá khá tốt, nó cho thấy lực cầu đã sẵn sàng nâng giá mua.
- ▶ Khối ngoại mua ròng tích cực với giá trị 109 tỷ. Đây là phiên mua ròng thứ 7 liên tiếp và là phiên mua ròng thứ 3 liên tiếp với giá trị hơn 100 tỷ đồng.
- ▶ Động thái cuối phiên cho thấy VN-Index có thể sẽ tăng trở lại đường biên trên của kênh giá giảm từ tháng 9, vì vậy nhịp điều chỉnh có thể sẽ xuất hiện.
- ▶ NĐT có thể nâng dần tỷ trọng cổ phiếu lên nếu thanh khoản tiếp tục gia tăng. Tránh việc mua đuổi giá, tận dụng nhịp điều chỉnh để cơ cấu danh mục.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	106.0	200,870.00	17.0	5.6	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	105.0	105,012.45	17.0	4.7	34.1%	27.1%
VCB	2,665.0	27.7	73,821.06	15.5	1.4	10.6%	1.0%
VIC	1,437.7	48.0	69,010.94	14.0	2.5	27.6%	6.2%
MSN	735.8	81.5	59,968.36	-1,429.8	4.1	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.7	54,734.05	8.9	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.5	37,951.24	9.0	1.1	12.3%	0.7%
PVD	303.0	94.0	28,485.47	12.0	2.3	22.7%	10.7%
HPG	481.9	55.0	26,504.95	9.4	2.5	28.3%	12.8%
BVH	680.5	38.8	26,402.29	21.0	2.2	10.2%	2.1%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

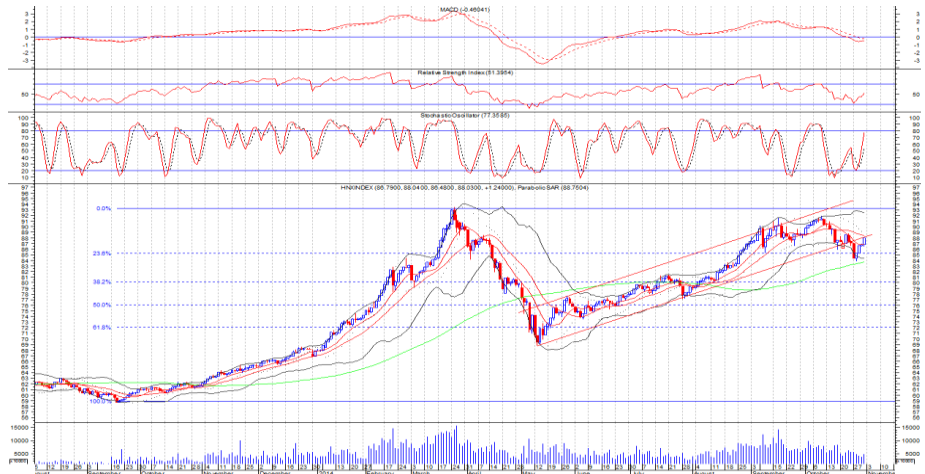
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	17.2	4,400.75	17.8	1.3	NA	TH.DOI
FPT	343.9	51.0	17,538.61	10.4	2.3	NA	TH.DOI
CII	115.5	19.4	2,241.22	6.9	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	66.5	3,024.32	8.2	1.9	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.8	656.10	3.9	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	20.3	560.48	1.8	0.9	NA	TH.DOI

HNX 31/10/2014 HNX-Index 88.03 1.24 1.43% 49,494,705 CP 776.40 bil. VND

Bật tăng mạnh ở phiên chiều, chỉ số 2 sàn đóng cửa ở mức cao nhất phiên

Chỉ số HNX-Index tăng 1.24 điểm (+1.43%), đóng cửa tại mốc 88.03 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân nển dài, HNX-Index tăng điểm tích cực và trở lại vùng MA20.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng khá tốt.
- MACD có dấu hiệu gia tăng trở lại và sắp cho tín hiệu mua trở lại.
- RSI (14) tăng tích cực lên mức 51.
- MA10 và MA20 vẫn đang có xu hướng đi xuống, MA100 vẫn đóng vai trò hỗ trợ khá tốt cho HNX-Index.



HNX Top 5 theo KLGD

Mã CK	Đổi (%)	KLGD
KLF	-0.1 (-0.9%)	7,582,300
PVX	0.2 (3.4%)	4,695,060
PVS	1.2 (3.1%)	3,179,300
SHB	0.1 (1.2%)	2,932,170
SCR	0.3 (3.1%)	2,932,070

HNX Top 5 theo % tăng

Mã CK	% Tăng	Giá
INN	3.3 (10.0%)	700
VIX	4.3 (10.0%)	509,400
SFN	1.7 (9.9%)	100
PEN	1 (9.9%)	2,000
VTH	1.9 (9.9%)	200

HNX Top 5 theo % giảm

Mã CK	% Giảm	Giá
ASA	-1.5 (-10.0%)	754,230
B82	-1 (-9.9%)	3,100
L14	-1.6 (-8.9%)	129,330
CAN	-2.6 (-8.7%)	7,100
HGM	-4 (-8.0%)	100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Mã CK	Giá	KLGD
PVS	33,5 tỷ	842,600
SHB	4,5 tỷ	520,200
PVX	1,8 tỷ	300,800
KLS	1,7 tỷ	148,200
IVS	0,7 tỷ	66,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Mã CK	Giá	KLGD
NTP	-37,7 tỷ	770,000
TDN	-0,5 tỷ	53,000
NDN	-0,3 tỷ	19,100
CVT	-0,2 tỷ	10,000
V12	-0,2 tỷ	18,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,088,700	4.89

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường sau phiên sáng giao dịch khá cầm chừng, thì bất ngờ ở đầu phiên chiều đã tăng lan rộng, HNX-Index đóng cửa ở mức cao nhất phiên.
- ▶ KLGD gia tăng mạnh và đạt 132 triệu. Thanh khoản có sự bứt phá khá tốt, nó cho thấy lực cầu đã sẵn sàng nâng giá mua.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 5 tỷ. Lượng mua tập trung nhiều ở các mã PVS, trong khi bán nhiều ở NTP.
- ▶ HNX-Index đã phá vỡ kênh tăng giá trung hạn, dù chỉ số này hồi phục trở lại nhưng chúng tôi đánh giá không cao về nhịp hồi phục lần này.
- ▶ NĐT có thể nâng dần tỷ trọng cổ phiếu lên nếu thanh khoản tiếp tục gia tăng. Tránh việc mua đuổi giá, tận dụng nhịp điều chỉnh để cơ cấu danh mục.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
PVS	446.7	40.4	18,046.70	9.9	2.1	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.3	13,919.64	20.7	1.2	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.7	7,708.93	8.9	0.7	8.2%	0.7%
VCG	441.7	12.8	5,653.90	9.6	1.0	10.4%	2.4%
OCH	200.0	24.9	4,980.00	82.0	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.3	4,120.39	14.3	0.7	4.7%	1.9%
VNR	131.1	21.0	2,752.59	9.0	0.9	12.7%	5.7%
NTP	56.3	46.9	2,642.31	7.0	2.0	22.9%	15.2%
LAS	77.8	31.9	2,482.84	6.9	1.9	25.6%	14.6%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	35.2	1,337.60	8.2	1.4	NA	TH.DOI
AAA	39.6	15.6	617.76	6.6	0.5	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.4	1,639.98	12.6	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	46.9	2,642.31	7.0	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	30.5	1,525.00	9.0	1.7	NA	TH.DOI
DXP	7.9	43.5	342.56	8.0	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,437.7	69,010.94	15.75%	48.0	14.04	2.52	1,498,629	1,877,740	2,069,681
HPG	HOSE	481.9	26,504.95	13.53%	55.0	9.38	2.47	579,878	691,080	809,426
PVD	HOSE	303.0	28,485.47	11.69%	94.0	11.95	2.30	595,771	598,024	558,966
MSN	HOSE	735.8	59,968.36	11.42%	81.5	#####	4.07	274,952	200,033	264,526
HAG	HOSE	789.9	19,352.53	8.11%	24.5	10.16	1.31	3,056,992	3,956,269	3,785,678
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	6.47%	19.1	7.71	1.35	363,225	334,932	407,975
VCB	HOSE	2,665.0	73,821.06	5.75%	27.7	15.47	1.39	201,753	258,281	477,666
DPM	HOSE	379.9	11,436.02	4.79%	30.1	9.03	1.28	483,804	527,337	1,108,150
ITA	HOSE	718.9	6,254.48	2.96%	8.7	65.10	0.77	4,410,586	6,458,006	7,636,088
KBC	HOSE	389.8	6,586.95	2.57%	16.9	27.47	1.25	4,340,378	5,140,632	4,042,774
BVH	HOSE	680.5	26,402.29	2.30%	38.8	20.99	2.20	207,089	220,492	234,289
HSG	HOSE	96.3	4,806.02	2.06%	49.9	14.79	2.13	344,162	595,219	329,705
GMD	HOSE	116.1	4,006.76	1.83%	34.5	7.75	0.81	383,041	638,789	752,160
PPC	HOSE	318.2	8,017.50	1.68%	25.2	10.53	1.42	305,934	320,462	668,518
HVG	HOSE	132.0	4,263.59	1.56%	32.3	34.05	1.56	1,340,983	1,992,408	1,704,780
CSM	HOSE	67.3	3,095.43	1.50%	46.0	8.68	2.38	151,889	174,405	257,775
PVT	HOSE	255.9	4,400.75	1.48%	17.2	17.82	1.34	1,537,707	2,118,830	2,335,954
DRC	HOSE	83.1	5,233.65	1.48%	63.0	14.54	3.51	84,229	118,778	190,235
VSH	HOSE	206.2	2,990.50	1.31%	14.5	13.97	1.09	558,423	475,033	717,708
DIG	HOSE	178.7	2,573.91	1.01%	14.4	67.15	0.83	738,023	1,224,235	899,531
OGC	HOSE	300.0	2,940.00	0.76%	9.8	35.44	0.91	7,695,720	6,151,168	4,488,902

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,437.7	69,010.94	8.28%	48.0	14.04	2.52	1,498,629	1,877,740	2,069,681
MSN	HOSE	735.8	59,968.36	8.09%	81.5	#####	4.07	274,952	200,033	264,526
VCB	HOSE	2,665.0	73,821.06	6.66%	27.7	15.47	1.39	201,753	258,281	477,666
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	6.34%	19.1	7.71	1.35	363,225	334,932	407,975
PVS	HNX	446.7	18,046.70	5.45%	40.4	9.87	2.10	2,560,667	2,903,391	3,889,033
BVH	HOSE	680.5	26,402.29	4.54%	38.8	20.99	2.20	207,089	220,492	234,289
DPM	HOSE	379.9	11,436.02	4.18%	30.1	9.03	1.28	483,804	527,337	1,108,150
PVD	HOSE	303.0	28,485.47	4.04%	94.0	11.95	2.30	595,771	598,024	558,966
HAG	HOSE	789.9	19,352.53	3.68%	24.5	10.16	1.31	3,056,992	3,956,269	3,785,678
ITA	HOSE	718.9	6,254.48	2.96%	8.7	65.10	0.77	4,410,586	6,458,006	7,636,088
PPC	HOSE	318.2	8,017.50	2.75%	25.2	10.53	1.42	305,934	320,462	668,518
FLC	HOSE	314.9	3,526.81	2.56%	11.2	8.38	0.80	9,493,955	10,306,324	15,466,187
SHB	HNX	886.1	7,708.93	2.53%	8.7	8.91	0.71	3,846,229	5,217,875	4,984,838
VCG	HNX	441.7	5,653.90	2.03%	12.8	9.57	0.98	1,161,625	1,340,683	1,374,981
OGC	HOSE	300.0	2,940.00	1.69%	9.8	35.44	0.91	7,695,720	6,151,168	4,488,902
PVT	HOSE	255.9	4,400.75	1.61%	17.2	17.82	1.34	1,537,707	2,118,830	2,335,954
DRC	HOSE	83.1	5,233.65	0.95%	63.0	14.54	3.51	84,229	118,778	190,235
IJC	HOSE	274.2	3,866.14	0.62%	14.1	23.04	1.32	746,346	754,310	1,763,866
PVX	HNX	400.0	2,440.00	0.00%	6.1	- 1.90	3.18	6,011,777	7,613,449	9,709,754

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,437.7	69,010.94	0.00%	48.0	14.04	2.52	1,498,629	1,877,740	2,069,681
MSN	HOSE	735.8	59,968.36	0.00%	81.5	#####	4.07	274,952	200,033	264,526
DPM	HOSE	379.9	11,436.02	0.00%	30.1	9.03	1.28	483,804	527,337	1,108,150
HAG	HOSE	789.9	19,352.53	0.00%	24.5	10.16	1.31	3,056,992	3,956,269	3,785,678
VCB	HOSE	2,665.0	73,821.06	0.00%	27.7	15.47	1.39	201,753	258,281	477,666
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	0.00%	19.1	7.71	1.35	363,225	334,932	407,975
BVH	HOSE	680.5	26,402.29	0.00%	38.8	20.99	2.20	207,089	220,492	234,289
CTG	HOSE	3,723.4	54,734.05	0.00%	14.7	8.94	0.98	328,642	298,040	367,279
GAS	HOSE	1,895.0	200,870.00	0.00%	106.0	17.03	5.58	411,842	466,361	405,163

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,968.36	0.88%	81.5	#####	4.07	274,952	200,033	264,526
VIC	HOSE	1,437.7	69,010.94	0.56%	48.0	14.04	2.52	1,498,629	1,877,740	2,069,681
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	0.31%	19.1	7.71	1.35	363,225	334,932	407,975
VCB	HOSE	2,665.0	73,821.06	0.24%	27.7	15.47	1.39	201,753	258,281	477,666
DPM	HOSE	379.9	11,436.02	0.15%	30.1	9.03	1.28	483,804	527,337	1,108,150
BVH	HOSE	680.5	26,402.29	0.08%	38.8	20.99	2.20	207,089	220,492	234,289

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,187	6.7	0.9	13.3%	8.8%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,060	9.2	1.5	16.2%	10.9%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,791	26.8	0.9	3.5%	1.6%
Sản xuất giấy	868	7.4	0.9	12.5%	6.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	37,704	15.9	2.1	20.5%	9.4%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,922	3.5	1.0	21.9%	5.2%
Khai khoáng	12,215	90.9	6.3	-4.2%	-3.5%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	24,524	14.1	1.5	13.3%	7.6%
Xây dựng	31,744	74.9	1.2	-2.4%	1.8%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,212	9.4	1.1	15.7%	7.9%
Công nghiệp phức hợp	1,122	7.4	1.2	16.7%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,472	6.9	1.0	13.2%	6.5%
Thiết bị điện	2,146	39.1	1.1	2.7%	0.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	46	15.1	0.6	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,732	9.2	1.4	15.0%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,498	3.3	1.1	4.0%	1.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,082	8.8	1.5	18.9%	13.8%
Dịch vụ vận tải	6,443	8.1	1.7	19.3%	12.0%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,714	11.4	1.5	16.6%	8.0%
Đào tạo & Việc làm	253	10.0	0.8	8.9%	3.2%
Nhà cung cấp thiết bị	193	7.8	0.8	12.5%	5.0%
Chất thải & Môi trường	179	2.7	0.8	34.1%	16.3%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,083	12.7	1.2	14.5%	7.1%
Lốp xe	8,760	11.3	3.0	25.5%	11.0%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,563	7.5	1.3	16.6%	9.2%
Vang & Rượu mạnh	330	14.7	2.3	17.1%	10.7%
Đồ uống & giải khát	234	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	20,841	11.8	1.8	17.5%	6.3%
Thực phẩm	192,726	23.5	4.1	20.6%	16.1%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	71	20.0	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,675	9.2	1.5	15.0%	7.3%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	541	34.2	1.4	4.6%	3.2%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,519	8.7	1.7	19.0%	7.4%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,925	11.1	2.0	17.8%	9.1%
Thuốc lá					
Thuốc lá	701	8.1	1.1	1.8%	4.3%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,019	16.6	1.0	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế	168	3.5	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	193	8.6	1.2	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,412	11.1	2.8	22.7%	15.0%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	254	40.4	0.8	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	709	10.9	1.1	13.2%	7.8%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,921	10.1	1.7	18.6%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,127	10.5	1.0	9.1%	6.6%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,557	71.2	2.5	2.8%	1.7%
Dịch vụ giải trí	3,388	19.5	1.2	12.0%	10.2%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,782	18.9	3.6	23.6%	20.4%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	741	17.7	1.0	5.5%	2.0%
Internet	333	70.2	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,475	10.5	2.2	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	498	15.8	0.8	4.7%	1.8%
Thiết bị văn phòng	309	5.3	1.1	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông	13,781	35.7	5.1	34.5%	11.6%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	27,550	11.4	1.4	12.8%	6.9%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	203,832	16.6	5.4	33.0%	22.6%
Nước	1,212	6.5	1.1	16.8%	11.5%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,314	7.5	0.9	11.6%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,820	12.2	0.8	6.3%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,831	9.0	0.9	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	25,654	21.0	2.2	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,117	37.6	1.1	2.7%	0.9%
Môi giới chứng khoán	28,197	12.8	1.7	10.6%	7.7%
Ngân hàng					
Ngân hàng	233,837	10.8	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	195,982	18.0	5.1	24.7%	5.9%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	9	2.3	0.6	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	48,514	10.9	2.2	22.5%	9.4%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.